

Tập 265

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm ba mươi chín:

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bắc phương thế giới, hữu Diệm Kiên Phật, TỐI THẮNG ÂM PHẬT, NAN TRỞ PHẬT, NHẬT SANH PHẬT, VÕNG MINH PHẬT, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(Sớ) Diệm Kiên giả, giải kiến tiền văn.

(Sao) Tiền hữu Đại tự, nghĩa vô ưu liệt.

(經)舍利弗。北方世界。有燄肩佛。最勝音佛。難沮佛。日生佛。網明佛。如是等恆河沙數諸佛。

(疏)燄肩者。解見前文。

(鈔)前有大字。義無優劣。

(Kinh: Xá Lợi Phất! Thế giới phương Bắc có Diệm Kiên Phật, TỐI THẮNG ÂM PHẬT, NAN TRỞ PHẬT, NHẬT SANH PHẬT, VÕNG MINH PHẬT, Hằng hà sa số chư Phật như thế.

Sớ: “Diệm Kiên” xem lời giải thích trong phần trước.

Sao: [Danh hiệu của vị Phật] trong phần trước có chữ Đại, [trong đoạn này không có], nhưng ý nghĩa chẳng hơn kém).

Đây là phương Bắc trong sáu phương Phật. Đối với phương Bắc, nêu ra đức hiệu của năm vị Phật nhằm biểu thị Hóa Tha (hóa độ người khác). Sau khi đã trọn đủ phước huệ thì mới có thể thật sự thực hiện viên mãn hoằng nguyện do đức Phật đã phát trong khi còn tu nhân. Như chúng ta học Phật, cũng như chư Phật trong khi tu nhân đã phát nguyện, đó là [phát nguyện bằng] chân tâm hay giả tâm, chúng ta tạm thời chẳng bàn đến. Như trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, nguyện “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, nói thật ra, bốn nguyện đó quy kết thành một nguyện này, ba nguyện sau đều nhằm viên mãn một nguyện [đầu tiên] này mà phát. Do đó, trong bốn nguyện, nguyện thứ nhất là chủ chốt, là trọng yếu nhất. Nguyện thứ nhất, nói thật ra, cũng là một sức mạnh thúc đẩy chư Phật viên thành Phật đạo. Chúng ta biết người thế gian hằng ngày siêng năng nỗ lực làm việc, sức mạnh nào thúc đẩy họ? Quy nạp lại, chẳng ngoài sức mạnh “*danh lợi*”. Chẳng phải vì danh thì là vì lợi. Nếu danh lẫn lợi đều chẳng có, tôi nghĩ tuyệt đối là họ sẽ chẳng muốn làm việc! Chư Phật, Bồ Tát danh lẫn lợi đều chẳng cần, thấy đều bỏ hết, sức mạnh nào thúc đẩy khiến

cho các Ngài tinh tấn, nỗ lực, hăng hái, chẳng biếng nhác? Do chính nguyện này! Do vậy có thể biết: Bồ Tát phát tâm tự hành (chính mình tu hành), phát tâm hóa độ kẻ khác, đều do nguyện thứ nhất này [thúc đẩy]. Cho đến phát tâm mong thành Phật đạo vẫn nhằm thỏa mãn nguyện thứ nhất. Vì nếu Bồ Tát chẳng thành Phật đạo, đâu thuộc địa vị Đăng Giác Bồ Tát, Đăng Giác Bồ Tát chẳng thể hóa độ Đăng Giác Bồ Tát, [bởi lẽ] địa vị và trình độ của các Ngài như nhau. Nhất định là phải thành Phật thì mới có thể độ Đăng Giác Bồ Tát, mới có thể độ hết thấy chúng sanh tới mức rốt ráo viên mãn. Do vậy, nhất định là trí huệ và phước đức đều viên mãn; khi ấy, sẽ rộng độ chúng sanh.

Đối với Phật pháp, độ sanh là sự nghiệp. Nói theo cách hiện thời, “*độ*” (度) là giúp đỡ, hiệp trợ họ, giúp họ lìa khổ được vui. Trong các nỗi khổ của tam giới, có hai loại sanh tử: Một loại là Phần Đoạn sanh tử, loại kia là Biến Dịch sanh tử, hai nỗi khổ ấy! Thoát khỏi tam giới, từ Tiểu Thừa Tứ Quả La Hán trở lên, chẳng còn có Phần Đoạn sanh tử trong tam giới. Tuy đã vượt ra ngoài tam giới, mãi cho đến địa vị Đăng Giác Bồ Tát, vẫn còn có Biến Dịch sanh tử. Nói cách khác, các Ngài sung sướng hơn chúng ta nhiều lắm, nhưng chẳng phải là đã đạt đến rốt ráo, chẳng phải là viên mãn. Nhất định là phải giúp chúng sanh viên thành Phật đạo thì sự lìa khổ ấy mới là lìa đến rốt ráo, “*được vui*” mới đạt đến viên mãn. Chư vị ngẫm xem: Muốn giúp chúng sanh thành Phật, mà chính mình chẳng thành Phật, làm thế nào được? Chẳng có lẽ ấy! Chính mình nhất định phải thành Phật!

Cũng có lẽ mọi người từng nghe nói: “*Chính mình chưa độ, đã độ chúng sanh trước; đây là Bồ Tát phát tâm*”. Giống như Địa Tạng Bồ Tát, chính mình chưa thành Phật, đã độ chúng sanh đều thành Phật, lão nhân gia vẫn là Bồ Tát. Chúng ta có thể học theo chuyện ấy hay chẳng? Rất nhiều người hiểu ý nghĩa trong kinh điển theo kiểu cắt xén chương đoạn, hiểu lệch lạc ý nghĩa của Phật, cho rằng Địa Tạng Bồ Tát rất vĩ đại: Chính mình chưa thành Phật, mà đã độ chúng sanh trước, ta phải học theo Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị có thể học nổi hay không? Địa Tạng Bồ Tát là hạng người nào? Đăng Giác Bồ Tát! Nếu quý vị chúng đắc Đăng Giác Bồ Tát bèn có thể học theo Địa Tạng Bồ Tát: “*Ta chẳng thành Phật, độ chúng sanh thành Phật trước. Chúng sanh chưa độ hết, ta thế chẳng thành Phật*”. Lời ấy do bậc Đăng Giác Bồ Tát thốt ra. Chúng ta chẳng có tư cách! Nếu chúng ta chẳng thành Phật, sẽ phải đọa trong lục đạo luân hồi, sẽ đọa trong ba ác đạo. Đọa ba ác đạo, bản thân quý vị còn chưa giữ nổi, làm sao có

thể độ người khác cho được? Vì thế, chớ nên hiểu cong vạy ý nghĩa trong kinh, chớ nên hiểu sai ý Phật.

Trên thực tế, Địa Tạng Bồ Tát đã sớm thành Phật, bất quá lão nhân gia chẳng muốn hiện hình tướng Phật mà thôi. Học trò đã thành Phật đông ngàn ấy, lẽ đâu lão nhân gia vẫn chẳng thành Phật? Há có đạo lý ấy? Bất quá là Ngài chẳng biến ra hình dạng Phật, mà biến thành hình tướng Bồ Tát đó thôi! Người ta có năng lực thành Phật bất cứ lúc nào, chẳng muốn dùng thân Phật để hóa độ chúng sanh, vì đó gọi là Địa Tạng Bồ Tát. Chúng ta thật sự phát tâm học theo Địa Tạng Bồ Tát thì vẫn là phải tới Tây Phương Cực Lạc thế giới trước để gặp A Di Đà Phật. Sau khi đã chứng đắc viên mãn Bồ Đề trong thế giới Cực Lạc, bèn có thể bắt chước Địa Tạng Bồ Tát. Đây là chánh xác, chẳng có vấn đề gì!

Kinh văn cho đến đoạn này, xét theo sự biểu thị pháp là chú trọng lợi ích chúng sanh. Danh hiệu của vị Phật thứ nhất là Diệm Kiên Phật. Trong phần trước, đã từng nói về Đại Diệm Kiên Phật; ở đây, chúng ta chú trọng ý nghĩa biểu thị pháp. Kiên (肩) là hai vai, biểu thị ý nghĩa gánh vác: Vai chúng ta có thể gồng gánh được. Diệm (燄) là ngọn lửa, biểu thị ý nghĩa quang minh. Hai vai biểu thị Quyền Trí và Thật Trí. Có Quyền Trí và Thật Trí thì mới có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai. Sự nghiệp của chư Phật Như Lai là hoằng pháp lợi sanh. Bồ Tát có hai loại trí huệ ấy. Bồ Tát có tại gia và xuất gia; ở đây là tại gia lẫn xuất gia thấy đều được bao gồm. Vì thế, chư vị đồng tu học Phật phải biết: Không nhất định là phải xuất gia, tại gia Bồ Tát chúng đắc rất nhiều! Tại gia Bồ Tát thành Phật vô lượng vô biên. Chúng ta xem phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, [sẽ thấy] trong năm mươi ba vị thiện tri thức¹, kể từ tỳ-kheo Đức Vân, tỳ-kheo Đức Vân đại diện cho

¹ Theo Bát Thập Hoa Nghiêm, năm mươi ba vị thiện tri thức là: Tỳ-kheo Đức Vân, tỳ-kheo Hải Vân, tỳ-kheo Thiện Trụ, đại sĩ Di Già, trưởng giả Giải Thoát, tỳ-kheo Hải Tràng, ưu-bà-di Hưu Xả, tiên nhân Tỳ Mục Cù Sa, bà-la-môn Thắng Nhiệt, đồng nữ Từ Hạnh, tỳ-kheo Thiện Kiến, đồng tử Tự Tại Chủ, ưu-bà-di Cự Túc, cư sĩ Minh Trí, trưởng giả Pháp Bảo Kế, trưởng giả Phổ Nhân, vua Vô Yểm Túc, vua Đại Quang, ưu-bà-di Bất Động, ưu-bà-di Biển Hành, trưởng giả Dục Hương, thuyền sư (thuyền trưởng) Bà Thi La, trưởng giả Vô Thượng Thắng, tỳ-kheo-ni Sư Tử Tần Thân, cô gái Bà Tu Mật Đa, cư sĩ Bệ Sát Chi La, Quán Tự Tại Bồ Tát, Chánh Thủ Bồ Tát, Đại Thiên Thần, địa thần An Trụ, chủ dạ thần Bà San Bà Diễn Đề, chủ dạ thần Phổ Đức Tịnh Quang, chủ dạ thần Hỷ Mục Quán Sát Chúng Sanh, chủ dạ thần Phổ Cứu Chúng Sanh Diệu Đức, chủ dạ thần Tịch Tĩnh Âm Hải, chủ dạ thần Thủ Hộ Nhất Thiết Thành Tăng Trưởng Oai Lực, chủ dạ thần Khai Phu Nhất Thiết Thụ Hoa, chủ dạ thần Đại Nguyên Tinh Tấn Lực Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh, chủ thần vườn Lâm Tỳ Ni là

hàng Sơ Trụ trong Viên Giáo, là Pháp Thân đại sĩ, mãi cho đến Phổ Hiền Bồ Tát, trong ấy [bao gồm] viên mãn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, tức là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, và Đẳng Giác. Năm mươi ba địa vị Pháp Thân đại sĩ, thị hiện thân phận xuất gia chỉ có sáu vị, những vị khác đều là tại gia. Như vậy thì chúng ta có thể hiểu rõ: Tại gia Bồ Tát đông đảo, tại gia thành Phật và xuất gia thành Phật chẳng khác gì nhau!

Xuất gia chỉ có một chuyện là hoằng dương và hộ trì chánh pháp. Phật giáo là nền giáo dục của đức Phật, chúng ta phải tiếp nối, duy trì nền giáo dục ấy. Muốn thúc đẩy, phát triển nền giáo dục ấy, nhất định là phải có nhân viên chuyên nghiệp để làm chuyện này, giống như mở trường học: Những vị đảm nhiệm vai trò giáo chức trong nhà trường là những người chuyên nghiệp, chẳng phải là chức trách kiêm nhiệm. Thúc đẩy nền giáo dục của đức Phật phát triển mạnh mẽ, duy trì nền giáo dục ấy, cũng ắt phải do nhân viên chuyên nghiệp tiến hành. Quý vị phát tâm chuyên môn tiến hành công việc này, theo đuổi “nghề nghiệp” ấy, bền xuất gia. Nếu không, chẳng cần phải xuất gia, tại gia vẫn có thành tựu y hệt. Bất luận theo đuổi nghề nghiệp nào, đều là Bồ Tát, đều là Phật. Quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm thuần thực sẽ hiểu rõ, cũng biết: Chúng ta ở trong xã hội này, bất cứ nghề nghiệp nào, thân phận nào, làm loại Bồ Tát nào, đều có thể viên thành Phật đạo.

Hoằng dương và hộ trì Phật pháp đều lấy trí huệ cao độ làm cơ sở, cho nên là Diệm Kiên. Điều khẩn yếu nhất trong trí huệ là Thật Trí, đó là trí huệ chân thật. Kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”, cái “*vô tri*” ấy chính là Thật Trí, tức là trí huệ chân thật. Tâm Kinh đến cuối cùng nói: “*Vô tri mà cũng vô đắc*”. Đó là tinh hoa của Tâm Kinh, là trung tâm của một bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển. Vì vậy, vô tri là chân trí huệ. Nay chúng ta điều gì cũng không biết, có phải là có chân trí huệ hay không? Chẳng phải! Người ta rất dễ hiểu lầm ý nghĩa này, tưởng “*Bát Nhã vô tri*” thì chúng ta chẳng đọc sách mà cũng chẳng cần học hành. Đức Phật nói “chân trí huệ”, chúng ta hiểu ý Phật theo kiểu đó, tức là đã hiểu sai bét ý Phật mất rồi! “*Vô tri*” là tâm thanh tịnh, trong tâm chẳng sanh một niệm, trong tâm chẳng tồn tại một vật. Lục Tổ nói: “*Vốn chẳng có một vật*”. Đó là chân

Diệu Đức Viên Mãn, cô gái Thích Ca Cù Ba, Phật mẫu Ma Da phu nhân, vương nữ Thiên Chủ Quang, đồng tử sư Biện Hữu, đồng tử Thiện Tri Chúng Nghệ, ưu-bà-di Hiền Thắng, trưởng giả Kiên Cố Giải Thoát, trưởng giả Diệu Nguyệt, trưởng giả Vô Thắng Quân, bà-la-môn Tối Tịch Tĩnh, đồng tử Đức Sanh, đồng nữ Hữu Đức, Di Lạc Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, và Phổ Hiền Bồ Tát.

trí huệ, tâm thanh tịnh, thanh tịnh đến cùng tột. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là Quyền Trí. Kinh Bát Nhã nói Quyền Trí là “*không gì chẳng biết*”. Khi chẳng khởi tác dụng thì đúng là chẳng sanh một niệm, cho nên gọi là “*vô tri*”. Khi khởi tác dụng, bèn “*không gì chẳng biết*”. Nay chúng ta khi chẳng khởi tác dụng bèn vô tri, mà lúc khởi tác dụng cũng vô tri luôn, sai mất rồi! Diệm Kiên Phật biểu thị phải trọn đủ hai thứ trí huệ là Quyền Trí và Thật Trí. Thật Trí còn gọi là Căn Bản Trí, là Bát Nhã vô tri. Vô tri là Căn Bản Trí. Quyền Trí còn gọi là Hậu Đắc Trí, tức là Căn Bản Trí khởi tác dụng. Điều này cũng nhằm nói rõ: Toàn thể Phật pháp được kiến lập trên cơ sở trí huệ chân thật. Có trí huệ chân thật thì mới có thể tự độ, và mới có thể giúp đỡ người khác.

Vị Phật thứ hai là Tối Thắng Âm Phật (Vaiśvānaranirghoṣa). Phật pháp coi trọng nhất là khế cơ và khế lý. Diệm Kiên Phật trong đoạn trước biểu thị sự Khế Lý, ở đây nói đến sự Khế Cơ. Chúng ta biết đức Phật thuyết pháp là nói tương ứng với căn cơ. Có thể suy ra: Đức Phật thuyết pháp trong thế giới phương khác nhất định sẽ chẳng giống những gì đã được nói trong thế giới Sa Bà của chúng ta. Vì sao? Căn cơ khác nhau. Căn tánh của chúng sanh trong thế gian này là Nhĩ Căn nhạy bén nhất. Trong kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát đã vì chúng sanh trong thế giới Sa Bà chọn lựa pháp môn, Ngài chọn môn Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông. Ngài nói: “*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*” (Chân giáo thể phương này, thanh tịnh tại nghe tiếng). Mắt thấy chẳng rõ ràng, tai nghe bèn rõ ràng. Đương nhiên là cũng có thiểu số ngoại lệ; có một ít người nghe chẳng rõ ràng, nhưng họ nhìn bèn thấy rất minh bạch. Có hạng người như vậy, nhưng là thiểu số. Đại đa số mọi người là Nhĩ Căn nhạy bén hơn Nhãn Căn. Do vậy, đức Phật giáo hóa chúng sanh trong thế gian này bèn dùng âm thanh để thuyết pháp. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng viết văn chương, chẳng lưu lại tác phẩm nào cho hậu thế, toàn là diễn giảng. Kinh điển là sau khi đức Phật đã diệt độ, các đệ tử họp lại, ghi chép những lời đức Phật đã giảng trước kia thành văn tự, biên chép lại, soạn thành kinh điển. Do vậy, thuở đức Phật tại thế, [trong Phật giáo] chẳng có văn tự. Thuở Khổng lão phu tử tại thế dạy học, cũng dùng âm thanh làm Phật sự, cũng chẳng có sách vở. Bất quá, Khổng Tử còn có trước tác, viết này nọ, như phần Hệ Từ Truyện² trong kinh Dịch. Ngài còn lưu lại văn chương cho hậu thế, chứ Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng có. Vị

² Kinh Dịch dùng chữ Truyện (傳) với ý nghĩa chú giải phần chánh kinh. Hệ Từ (繫辭) có nghĩa là lời lẽ gắn liền với từng quẻ một. Đây là phần chú giải tổng quan về toàn thể kinh Dịch, tương đương với phần Khái Luận trong các bộ chú giải sau này.

Phật thứ hai là nói về phương thức và phương pháp dạy học, nhất định là dùng âm thanh để làm Phật sự. Tối Thắng Âm (最勝音) là âm thanh thù thắng nhất. Âm thanh trong thế gian quá nhiều, hết thấy các âm thanh ấy đều chẳng có cách nào giúp chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới. Dầu âm thanh ấy dễ nghe cách mấy, đều chẳng thể gọi là Tối Thắng (thù thắng nhất). Vì thế, Tối Thắng Âm như Liên Trì đại sư giải thích ở đây chỉ là hình dung.

(Sớ) Tối Thắng Âm giả, Phật âm cực hảo, nhất thiết âm thanh vô năng cập cổ.

(Sao) Phật hữu bát âm, nhất cực hảo âm, nhị nhu nhuyễn âm, nãi chí bát bất kiệt âm. Kim cử cực hảo, dĩ thích tối thắng, diệc khả bát âm kiêm bị, cố danh Tối Thắng, tắc nhất thiết thiên, nhân, Thanh Văn, Bồ Tát sở bất năng cập dã.

(Diễn) Bát âm giả, nhất nhị như văn, tam hòa thích âm, tứ tôn huệ âm, ngũ bất nữ, lục bất ngộ, thất thâm viễn, bát như văn.

(疏)最勝音者，佛音極好，一切音聲無能及故。

(鈔)佛有八音。一極好音。二柔軟音。乃至八不竭音。今據極好。以釋最勝。亦可八音兼備。故名最勝。則一切天人聲聞菩薩所不能及也。

(演)八音者。一二如文。三和適音。四尊慧音。五不女。六不誤。七深遠。八如文。

(Sớ: Tối Thắng Âm: Âm thanh của Phật hay đẹp tốt bậc, hết thấy các âm thanh chẳng thể sánh bằng.

Sao: Phật có tám âm, một là âm thanh tốt đẹp cùng cực, hai là âm thanh mềm mại, cho đến điều thứ tám là âm thanh chẳng cạn kiệt. Nay dựa trên [ý nghĩa] Cực Hảo để giải thích chữ Tối Thắng, mà cũng có thể dùng trọn cả tám loại âm thanh để giải thích. Vì thế, gọi là Tối Thắng, vì hết thấy người, trời, Thanh Văn, Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng.

Diễn: Tám âm: Điều thứ nhất và thứ nhì giống như trong lời Sao [đã chép], ba là âm thanh hòa hoãn, thích hợp, bốn là âm thanh trí huệ cao quý, năm là chẳng có âm hưởng nữ nhân, sáu là chẳng sai lầm, bảy là sâu xa, điều thứ tám giống như trong lời Sao).

Âm thanh hay đẹp tốt bậc mà nếu chẳng thể giúp chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới, âm thanh hay đẹp tốt bậc ấy cũng chẳng thể gọi là âm

thanh thù thắng nhất. [Âm thanh thù thắng nhất] là gì? “*Âm*” (音) ở đây là âm thanh thuyết pháp, tức là dùng ngôn ngữ hoặc âm thanh để nói rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, khiến cho chúng ta nghe xong sẽ hoảng nhiên đại ngộ, âm thanh ấy là mầu nhiệm. Âm thanh ấy đúng là thù thắng. Hết thấy các âm thanh trong cõi trời và nhân gian đều chẳng thể sánh bằng. Vì thế, TỐI THẮNG ÂM là [âm thanh] thuyết pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, hết thấy các kinh điển, kể cả kinh Tiểu Thừa, đều nhằm giúp chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới, đó là TỐI THẮNG ÂM. Viết thành sách, sẽ là sách vở thù thắng nhất trong thế gian, chẳng có sách vở nào khác có thể sánh bằng! Sách ấy có thể giúp chúng ta thoát tam giới, tất cả hết thấy sách vở trong thế gian chẳng thể [giúp chúng sanh] thoát khỏi tam giới. Dầu là các sách vở tôn giáo, tôi đã cũng chẳng qua là giúp cho chúng sanh đạt đến thiên đạo mà thôi. Tôn giáo cao cấp của Ấn Độ có thể giúp quý vị sanh lên Sắc Giới Thiên hoặc Vô Sắc Giới Thiên, nhưng chẳng thoát khỏi tam giới. Chỉ riêng Phật pháp là có thể giúp chúng ta thoát tam giới, liễu sanh tử, vĩnh viễn thoát luân hồi, đó là TỐI THẮNG ÂM.

Chúng ta dùng những sách vở ấy để tu học, trong thời gian ngắn ngủi mấy chục mùa nóng lạnh, có thể thật sự đạt tới mục tiêu ấy hay không? Khó lắm! Khó ở chỗ nào? Chẳng phải là pháp môn khó khăn, đức Phật đã nói rất hay: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Vì thế, [khó khăn] chẳng do pháp môn, mà là do căn tánh của chúng sanh. Căn tánh của cổ nhân chẳng giống người hiện thời, căn tánh của người phương Đông chẳng giống người phương Tây. Thậm chí căn tánh của đồng bào Đài Loan chẳng giống căn tánh của đồng bào tại Đại Lục. Vì thế, đối với pháp môn, chẳng thể không chọn lựa! Đó gọi là “*pháp môn có khó, dễ*”. Khó hay dễ chẳng do bản thân pháp môn, mà là do căn tánh của chúng sanh khác nhau. Căn tánh có thù thắng hay kém cỏi. Do vậy, tu học còn có hiện tượng khó, dễ. Một pháp môn làm như thế nào để có thể bảo đảm hết thấy chúng sanh đều có thể thành Phật đạo? Đó là pháp thù thắng nhất trong các thứ thù thắng, là TỐI THẮNG ÂM. Như vậy, chúng ta bèn hiểu rõ: Nguyên lai, TỐI THẮNG ÂM chính là một câu danh hiệu “*Nam-mô A Di Đà Phật*”. Câu danh hiệu ấy chính là TỐI THẮNG ÂM, trên có thể độ Đẳng Giác Bồ Tát, dưới có thể độ chúng sanh trong địa ngục. Chỉ cần quý vị thật sự tin, thật sự nguyện, thật sự niệm, bèn thật sự vãng sanh, thật sự thấy Phật, thật sự bất thoái thành Phật. Kết quy lại, TỐI THẮNG ÂM chính là “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, phải biết điều này. Trong lời chú giải có giải thích Phật có “*bát*

âm”, chư vị tự xem. Chúng tôi chỉ nói đại ý, lời chú sớ kinh chẳng có ý ấy, cho nên tôi nói rõ cùng quý vị. Lại xem vị Phật kế tiếp:

(Sớ) Nan Trở giả, Phật đức kiên mật, bất khả hoại cố.

(Sao) Trở giả, thủy danh. Phật chứng Pháp Thân, dĩ đắc Kim Cang bất hoại chi thể, cánh vô dư Hoặc. Phiên não hoành lưu, mạc năng xung đãng. Cố viết Nan Trở. Tích nhân vị “Ngô kỳ chiêu hồ”, nan trở giả, do ngôn bất khả chiêu dã. Hựu Trở trở thông dụng, chỉ át dã.

(Diễn) “Ngô kỳ chiêu hồ” giả, Tử Tư ngôn: “Việt thập niên sanh tu, thập niên giáo huấn, nhị thập niên hậu, Ngô kỳ chiêu hồ”. Chỉ át giả, Phật chứng Pháp Thân, đắc vô tận tạng. Sở hữu thần thông, diệu dụng, bất khả chỉ át dã. Thượng nghĩa ước Thể, thử nghĩa ước Dụng.

(疏)難沮者，佛德堅密，不可壞故。

(鈔)沮者。水名。佛證法身。已得金剛不壞之體。更無餘惑。煩惱橫流。莫能衝蕩。故曰難沮。昔人謂吳其沼乎。難沮者。猶言不可沼也。又沮阻通用。止遏也。

(演)吳其沼乎者。子胥言。越十年生聚。十年教訓。二十年後吳其沼乎。止遏者。佛證法身。得無盡藏。所有神通妙用。不可止遏也。上義約體。此義約用。

(Sớ: Nan Trở (Duṣpradharṣa) là Phật đức cứng chắc, kín đáo, chẳng thể phá hoại được.

Sao: Trở³ là tên một con sông. Phật chứng Pháp Thân, đã đắc cái thể kim cang bất hoại, chẳng còn sót phiên hoặc; dòng lũ phiên não chẳng thể dâng tràn được. Vì thế nói là Nan Trở. Người xưa nói: “Nước Ngô trở thành cái ao của họ ư?” Đó là ngăn trở vậy, ví như [can ngăn] chẳng để cho nước Ngô biến thành cái ao của họ. Chữ Trở (沮) và Trở (阻) lại được dùng lẫn cho nhau, [cùng có nghĩa] là ngăn dứt.

³ Chữ Trở này có nhiều cách đọc (đúng ra, khi đọc tên sông hoặc họ người (như Thu Cừ Mông Tôn, vua nước Bắc Lương thời Ngũ Đại Thập Quốc) thì phải đọc thành Thu hoặc Tự, khi đọc thành âm Trở thì có nghĩa là ngăn trở. Trở Thủy là tên một con sông bắt nguồn từ tỉnh Hồ Bắc, chảy theo phía Đông Nam, đến Tương Dương bèn hợp lưu với sông Chương Thủy, tiếp tục xuôi về Nam đến Giang Lăng thì đổ vào Trường Giang (Dương Tử Giang). Con sông này hay gây lụt lội.

Diễn: “Nước Ngô trở thành cái ao của họ ư?” Tử Tư⁴ nói: “Nước Việt bồi dưỡng thực lực mười năm, trải qua mười năm giáo huấn, hai mươi năm sau, nước Ngô sẽ trở thành cái ao của họ ư?”⁵ “Ngăn dút”: Phật chứng Pháp Thân, đắc Vô Tận Tạng, tất cả thần thông diệu dụng, chẳng thể ngăn dút được. Nghĩa trước là nói theo Thể, nghĩa này nói theo Dụng).

Vị Phật này biểu thị sự hoằng dương và hộ trì chánh pháp, khá là chẳng đơn giản. Tục ngữ thường nói: “Đạo cao một thước, ma cao một trượng”; học Phật có thể thuận buồm xuôi gió, chẳng có ma chướng, tra khắp Đại Tạng Kinh, chẳng tìm thấy [có trường hợp tương tự như vậy]. Trong một đời thị hiện của Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật lão nhân gia,

⁴ Ngũ Viên, tự là Tử Tư, là tướng quốc nước Ngô thời Xuân Thu. Ông vốn là người nước Sở, cha là Ngũ Xa (giữ chức Thái Phó nước Sở). Ngũ Xa làm thái phó dạy học thái tử Kiến (con trai Sở Bình Vương Hùng Khí Tật). Về sau, Sở Bình Vương lấy Bá Doanh nước Tần làm thiếp thì say đắm Bá Doanh, lại nghe lời gièm pha của Phí Vô Cực, đày thái tử Kiến ra huyện Thành Phụ gần biên giới. Về sau, Phí Vô Cực vu cáo thái tử Kiến làm phản, Sở Bình Vương gọi Ngũ Xa đến hỏi ý. Do Ngũ Xa thẳng thắn khuyên can, ông bị vua bắt giam vào ngục, lại bị buộc viết thư gọi hai con là Ngũ Thượng và Ngũ Viên về Sở. Ngũ Viên khôn ngoan chẳng quay về, nên thoát nạn. Sau đó, vua Sở giết chết Ngũ Xa và Ngũ Thượng. Sau thời gian lưu lạc, có lúc phải đi ăn xin, ông đến nước Ngô được tướng quốc nước Ngô là công tử Quang tin dùng. Ông đã bàn mưu tính kế giúp công tử Quang chiếm ngôi, trở thành vua Ngô Hạp Lư sau này. Khi trở thành Tướng Quốc, ông đã đem quân Ngô về đánh Sở, chiếm cứ Dĩnh Đô, đào xác Sở Bình Vương lên đánh ba trăm roi để trả mối thù giết cha. Khi Hạp Lư chết trận, ông tiếp tục phù tá Phù Sai (con Hạp Lư) và đánh bại nước Việt nhằm báo thù nước Việt đã bắn trọng thương Hạp Lư trước đó. Phù Sai nghe lời xu nịnh của Bá Hy cho nước Việt giảng hòa, bắt Việt Vương Câu Tiễn sang làm nô lệ. Ngũ Tử Tư chủ trương diệt cỏ tận gốc, nhưng Phù Sai không nghe. Do thái tử Bá Hy gièm pha, Ngô Phù Sai buộc Ngũ Tử Tư tự tử, ông đã nói: “Hãy móc mắt ta treo trên cửa thành phía Đông để ta được thấy giặc Việt vào tiêu diệt nước Ngô”. Quả nhiên mười năm sau, Câu Tiễn diệt Ngô và bắt Phù Sai phải tự sát ngay, chứ không cho làm nô lệ, dù Phù Sai hết sức van xin.

⁵ Đây là lời can gián vua Ngô Phù Sai của Ngũ Viên (Ngũ Tử Tư) sau khi vua Ngô đánh bại Việt Vương Câu Tiễn. Câu Tiễn bại trận, dùng tiền bạc mua chuộc các đại thần nước Ngô để xin được làm nô lệ tại nước Ngô mười năm ngõ hầu Ngô đừng diệt quốc nước Việt, chỉ biến Việt thành chư hầu. Tham đắm mỹ nữ và của cải dâng cống, cũng như nghe lời sàm nịnh của Bá Hy, Phù Sai đã chấp thuận để yên nước Việt. Ngũ Tử Tư cảnh tỉnh Phù Sai về hiểm họa Việt sẽ diệt Ngô trong tương lai bằng những lời lẽ trên đây.

trong thì Tăng đoàn có Lục Quân Tỳ Kheo⁶, hằng ngày nghịch phá, quấy rối, gây tiếng xấu cho Tăng đoàn, gây nên phiền phức, bên ngoài thì có chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Có thể thấy là vào thời ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật kiến lập Phật pháp khá khó khăn. Lịch đại tổ sư đại đức tu hành, hoằng dương, giáo hóa, có vị nào chẳng bị chướng ngại hay không? Tại Trung Hoa, [xét theo] sự hoằng dương và giáo hóa có sức ảnh hưởng lớn nhất, không ai hơn được Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông. Quý vị thấy Ngài gặp thử thách: Sau khi đắc đạo, mình tâm kiến tánh, Ngài hai mươi bốn tuổi. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn đại sư truyền y bát cho Ngài, Ngài còn phải tới lánh nạn trong đội thợ săn, ẩn nấu suốt mười lăm năm mới có thể rời khỏi, gặp bao nhiêu khổ nạn? Ma chướng nhiều lắm! Nay chúng ta gặp phải một chút trắc trở bèn ngã lòng, làm sao quý vị có thể thành tựu cho được? Chư vị phải hiểu: Trong lần ngoài đều có ma chướng. Đối với các bạn tại gia học Phật, người nhà là ma chướng, [tức là] người trong nhà chướng ngại quý vị. Đối với người xuất gia học Phật, sư huynh, sư đệ trong Tăng đoàn chướng ngại quý vị, đó cũng là ma chướng, chẳng thể tránh né! Chúng ta phải đối phó như thế nào? Học theo Nan Trử Phật. Trử (沮) là ngăn trở, phá hoại. Thứ gì chẳng bị phá hoại? Tín tâm bất hoại, nguyện tâm bất hoại, hạnh tâm bất hoại. Chỉ cần ba điều Tín, Nguyện, Hạnh của quý vị bất hoại, quý vị bèn thành công.

Vị Phật này dạy chúng ta đừng sợ ma vương, ngoại đạo, chúng ta biết chúng nó tồn tại, luôn ở quanh chúng ta, thời thời khắc khắc kiếm chuyện, ngăn trở, chúng ta phải sử dụng trí huệ cao độ để thông đạt quyền biến: Nơi này chẳng suông sẻ thì còn có nơi khác để có thể đến. Ví như quý vị niệm Phật ở nhà, người nhà đều chán ghét, phản đối quý vị, [vậy thì] ta cần gì cứ chường ra dáng vẻ là người học Phật? Hãy gạt bỏ hình tướng, họ sẽ chẳng nhìn ra! Ta niệm Phật bèn niệm trong tâm, chẳng niệm ra miệng. Trong nhà cũng chẳng thờ tượng Phật, chẳng cần thắp hương; đối với quý vị, hết thấy đều tùy duyên. Học Phật kiểu ấy gọi là “*mật hạnh*”. Chúng ta công phu rất đặc lực, mà họ cũng chẳng có phiền não, khiến cho họ chẳng nhìn ra [quý vị đang dụng công]! Đối với mật hạnh, thuở đức Thế Tôn tại thế, con trai đức Thế Tôn là tôn giả La Hầu La hành mật hạnh. Ngài mang thân phận sa-di, suốt ngày từ sáng đến tối chơi đùa bên ngoài,

⁶ Đây là nhóm sáu vị tỳ-kheo thường kéo bè kéo đảng, quấy phá Tăng đoàn, làm những hành vi trái nghịch giới luật. Thật ra, họ thị hiện nghịch hạnh để đức Phật có dịp chế giới. Tên sáu người ấy là Nan Đà (Nanda), Bạt Nan Đà (Upananda), Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin), Xiển Na (Chanda, còn phiên âm là Xa Nặc), A Thuyết Ca (Ásvaka), và Phất Na Bạt (Punarvasu).

người khác đều nói “đứa bé này chẳng dụng công”. Thích Ca Mâu Ni Phật biết tôn giả dụng công trong tâm, tôn giả tu mật hạnh. Chúng ta phải nên học theo điều ấy. *“Bồ Tát ở chỗ nào cũng đều khiến cho hết thấy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ”*. Dầu kẻ khác là yêu ma, quỷ quái, cũng khiến cho họ sanh tâm hoan hỷ, chẳng trở ngại công phu của chúng ta, không ảnh hưởng tín nguyện kiên định của chúng ta. Nan Trử Phật dạy chúng ta phương pháp này.

Vị thứ tư là Nhật Sanh Phật (Adityasambhava). Hết thấy tà ma ngoại đạo đều chẳng thể chướng ngại quý vị, quý vị đã thành tựu, sau đây mới có thể đạt tới mức độ *“giáo học tương trường”* (dạy dỗ và học tập đều khiến cho chính mình và người khác được thêm tăng tấn), [khiến cho] chánh pháp tồn tại lâu dài. Nhật Sanh là tỷ dụ, giống như mặt trời mọc từ phương Đông, quang minh chiếu trọn khắp.

(Sớ) Nhật Sanh giả, Phật quang sơ hiện, như nhật sơ thăng dã, kiêm nhĩ lợi thuyết.

(Sao) Nhĩ lợi giả. Nhất giả tự lợi, chúng sanh Bồn Giác, phú tại vô minh. Như đại dạ trung, nhật quang bất hiện. Phá Hoặc, hiển Trí, Thỉ Giác lãn chiếu, như nhật Đông sanh cổ. Nhĩ giả lợi tha, Hoa Nghiêm nhĩ thập tam kinh vân: “Thí như nhật thiên tử, bất dĩ sanh manh bất kiến cổ, ẩn nhĩ bất hiện. Bất dĩ Càn Thát Bà thành, A Tu La thủ, Diêm Phù Đề thụ, sùng nham, thúy cốc, trần, vụ, yên, vân đẳng vật phú chướng cổ, ẩn nhĩ bất hiện. Bất dĩ thời tiết cải biến cổ, ẩn nhĩ bất hiện”. Dụ Phật thỉ thành Chánh Giác, thuyết pháp lợi sanh, huệ quang phổ chiếu, như nhật Đông sanh cổ.

(Diễn) “Thí như nhật thiên tử” hạ, nhật luân phổ chiếu dụ dã. Dụ ngộ ác bất tức lợi ích. Kinh trung hợp pháp vân: Bất dĩ chúng sanh kỳ tánh tệ ác, tà kiến sân trước, nan khả điều phục, tiện tức khí xả, bất tu hồi hướng. Bất dĩ chúng sanh bất tri báo ân, thoái Bồ Tát hạnh. Bất dĩ phàm ngu cộng đồng nhất xứ, xả ly nhất thiết như thật thiện căn. Bất dĩ chúng sanh sở khởi quá ác, nan khả nhẫn thọ, nhi ư bỉ sở, sanh bì yếm tâm. Thích viết: Tệ ác hợp sanh manh, tà kiến hợp Càn Thát Bà thành, linh nhân vọng vị vi thật cổ. Sân trước hợp Tu La thủ, nhật vi Đế Thích tiên phong. Bỉ sân cổ, phú chướng dã. Bất tri ân, hợp Diêm Phù thụ, sùng nham, thúy cốc. Phàm ngu cộng đồng nhất xứ, hợp trần, vụ, yên, vân. Dĩ vân vụ năng biến hư không, do bỉ phàm ngu đồng nhất xứ trụ cổ. Chúng sanh sở khởi quá ác, hợp thời tiết cải biến. Vị tân khởi quá thức, sạ thiện, sạ ác, như bỉ trú dạ âm dương dịch độ đẳng.

(疏)日生者，佛光初現，如日初升也，兼二利說。

(鈔)二利者。一者自利。眾生本覺。覆在無明。如大夜中。日光不現。破惑顯智。始覺朗照。如日東生故。二者利他。華嚴二十三經云。譬如日天子。不以生盲不見故。隱而不現。不以乾闥婆城。阿脩羅手。閻浮提樹。崇巖邃谷。塵霧煙雲等物覆障故。隱而不現。不以時節改變故。隱而不現。喻佛始成正覺。說法利生。慧光普照。如日東生故。

(演)譬如日天子下。日輪普照喻也。喻遇惡不息利益。經中合法云。不以眾生其性弊惡。邪見嗔濁。難可調伏。便即棄捨。不修回向。不以眾生不知報恩。退菩薩行。不以凡愚共同一處。捨離一切如實善根。不以眾生。數起過惡。難可忍受。而於彼所生疲厭心。釋曰弊惡合生盲。邪見合乾闥婆城。令人妄謂為實故。瞋濁合修羅手。日為帝釋先鋒。彼嗔故覆障也。不知恩。合閻浮樹崇巖邃谷。凡愚共同一處。合塵霧煙雲。以雲霧能遍虛空。猶彼凡愚同一處住故。眾生數起過惡。合時節改變。謂頻起過忒。乍善乍惡。如彼晝夜陰陽易度等。

(Sớ: Nhật Sanh: Phật quang vừa mới hiện, như mặt trời vừa mọc, nói kèm hai điều lợi.

Sao: Hai điều lợi: Một là tự lợi. Bốn Giác của chúng sanh bị vô minh che lấp, như trong đêm sâu, ánh sáng mặt trời chẳng hiện. Phá phiền não, hiển lộ trí huệ, Thị Giác chiếu rạng ngời, như mặt trời mọc từ phía Đông. Hai là lợi tha. Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ hai mươi ba chép: “Như nhật thiên tử (mặt trời) chẳng vì kẻ đui mù từ lúc lọt lòng không trông thấy bèn ẩn mất chẳng hiện. Chẳng vì các vật như thành Càn Thát Bà, tay A Tu La, cây Diêm Phù Đề, vách đá cao, hang sâu, bụi bặm, sương mù, khói, mây v.v... che ngăn, bèn ẩn mất chẳng hiện. Chẳng vì thời tiết biến đổi bèn ẩn mất chẳng hiện”. Ví như đức Phật lúc vừa mới thành Chánh Giác, thuyết pháp lợi sanh, huệ quang chiếu tròn khắp, giống như mặt trời mọc từ phương Đông.

Diễn: Từ câu “ví như nhật thiên tử” trở đi, ví như vàng mặt trời chiếu tròn khắp, sánh ví [chư Phật] dầu gặp kẻ ác vẫn tạo lợi ích chẳng

ngót. Phối ứng [những tỷ dụ đã nói trong kinh Hoa Nghiêm] với những pháp được biểu thị bèn nói: Chẳng vì căn tánh của chúng sanh tệ ác, tà kiến, sân hận, dơ bẩn, khó thể điều phục rồi liền vứt bỏ họ, chẳng tu hồi hướng. Chẳng vì chúng sanh không biết báo ân mà lui sụt Bồ Tát hạnh. Chẳng vì ở chung với phàm ngu cùng một chỗ mà bỏ là hết thấy thiện căn như thật. Chẳng vì chúng sanh nhiều lượt phạm lỗi, tạo ác, khó thể chịu đựng, mà sanh tâm chán nhàm đối với họ. Giải rằng: “Tệ ác” ứng với kẻ mù từ lúc lọt lòng. “Tà kiến” ứng với thành Càn Thát Bà, do nó khiến cho người ta lầm tưởng là có thật. Sân hận, dơ bẩn ứng với tay A Tu La. Mặt trời là tiên phong của Đế Thích, A Tu La do sân hận bèn che lấp nó. “Chẳng biết ân” ứng với cây Diêm Phù, vách đá cao, hang sâu. “Cùng ở chung với phàm ngu một chỗ” ứng với bụi bặm, sương, mù, khói, mây, vì mây, sương mù có thể phủ khắp hư không, giống như ở cùng một chỗ với kẻ phàm ngu. “Chúng sanh nhiều lượt tạo lỗi, làm ác”, ứng với thời tiết biến đổi, nghĩa là liên tiếp phạm lầm lỗi, thoát thiện, thoát ác, như ngày, đêm, âm, dương thay đổi v.v...)

“Nhị lợi” là tự lợi và lợi tha. Chỉ có thể khắc phục hết thấy chướng nạn thì trí huệ mới có thể sanh khởi. Nay chúng ta học Phật công phu chẳng đắc lực, nguyên nhân ở chỗ nào? Chẳng chóng nổi ma quỷ nhiều. “Ma”: Ngũ Âm là nội ma, bên ngoài mới có thiên ma. Trong kinh Bát Đại Nhân Giác, đức Phật nói ma có bốn loại. Thứ nhất là Ngũ Âm, thứ hai là phiền não, thứ ba là thiên ma, thứ tư là tử ma. Ngoại trừ thiên ma là bên ngoài, những thứ khác đều là ma chướng nơi bản thân chúng ta, quý vị có thể khắc phục hay không? Nói cách khác, nghiệp chướng, bệnh tật của chính mình, cho đến đoản mạng, đều thuộc về nghiệp chướng, có thể khắc phục hay không? Chẳng thể khắc phục, đạo nghiệp sẽ chẳng thể thành tựu, bị ma lôi đi mất rồi. Nếu chúng ta hỏi: “Có thể khắc phục hay không?” Thừa cùng chư vị, quyết định là có thể. Tôi thường khuyên người mới học Phật, tốt nhất là trước hết hãy đọc Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm lần, nguyên nhân là khiến cho quý vị liễu giải chân tướng sự thật này, hiểu rõ đạo lý này. Vận mạng có, nghiệp chướng cũng có, nhưng chúng có thể biến đổi. Tiên sinh Viên Liễu Phàm dùng đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức để biến đổi vận mạng, kéo dài thọ mạng của chính mình. Không tiên sinh đoán thọ mạng của ông Viên chỉ có năm mươi ba tuổi, ông Viên sống tới bảy mươi mấy tuổi. Đó là hiệu quả do đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức. Đã sửa, sửa với mức độ chẳng lớn, sửa nho nhỏ, sửa cũng rất khổ, người ấy có thu hoạch. Còn có phương pháp càng mau nhiệm, càng thù thắng

hơn phương pháp ấy, phương pháp gì vậy? Kinh Phật thường nói: “*Bồ Tát thừa nguyện tái lai*”. Quý vị thừa nguyện tái lai, nói chung phải là sau khi đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Bồ Tát, bèn thả chiếc bè Từ, trở lại thế gian này. Vậy là chẳng sai, là bậc thành tựu. Trên thực tế, nếu hiện thời chúng ta phát nguyện mà nguyện lực của chúng ta vượt trội nghiệp lực, nguyện lực khởi tác dụng, nghiệp lực chẳng khởi tác dụng, thì nói cách khác, đây chính là “thừa nguyện tái lai” (nuông theo nguyện trở lại). Do đó; chẳng cần đến thế giới Cực Lạc [mới có thể] thừa nguyện tái lai.

Trong cõi này, chúng ta phát tâm, [nếu như] nguyện lực vượt trội nghiệp lực, sẽ chuyển biến, nghiệp chướng tiêu trừ, sửa đổi tập khí, bệnh tật và biến hóa sinh lý nơi thân thể cũng biến đổi tốt đẹp. Những điều này nói theo khoa học đều thông suốt. Nói thật ra, bệnh tật do đâu mà có? Bệnh sanh từ suy tưởng loạn xạ. Trong hết thảy các kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Tâm là chủ tể, vạn pháp duy tâm. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Thân thể của chúng ta là một hiện tượng trong mười pháp giới, hiện tượng này là duy tâm sở hiện. Các thứ biến hóa sinh lý là do duy thức sở biến. “*Thức*” là tám thức, chúng ta gọi nó là “*tám tâm vương*”. Tám tâm vương của chúng ta bị hư hỏng, khiến cho cái thân này cũng bị biến đổi thành hư hoại theo. Thân thể này liền bệnh tật, rắc rối dấy lên. Nếu tâm tánh của chúng ta tốt đẹp, nó cũng sẽ biến đổi sắc thân này thành tốt đẹp, bệnh tật chẳng còn nữa! Tâm thanh tịnh, thân bèn thanh tịnh, đạo lý là như vậy đó! Vì thế, tin sâu đậm, nguyện thiết tha, tâm chúng ta chân thành, thanh tịnh, đại từ, đại bi, thân này bèn biến đổi. Vốn có bệnh mà chẳng cần đi bác sĩ, bệnh tự lành. Vì sao? Nó tự điều chỉnh. Đều là dụng công dốc sức nơi tâm địa, cầu chân thành, thanh tịnh, bình đẳng nơi tâm địa, trí huệ như vậy đương nhiên sẽ phát khởi. Trên thực tế sẽ là “*nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ*” như trong kinh Phật đã nói.

Thanh tịnh, bình đẳng, giác là Giới, Định, Huệ. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, thanh tịnh là Giới, bình đẳng là Định, giác là Huệ. Chúng ta dùng “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi*” để tu Giới, Định, Huệ; với tình hình ấy, chúng ta đã có Định. Định đã có thì Huệ hiện tiền, tức là Phật quang xuất hiện. Phật quang ở đây chẳng phải là Phật quang từ bên ngoài, mà là Phật quang của chính mình. Phật có nghĩa là giác, là tự giác. Trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong bản tánh của chính mình thấu lộ, đó là Phật quang, “*như nhật sơ thăng*” (như mặt trời mới mọc). Đã tự lợi, lại có thể lợi tha, chỉ có như thế, chánh pháp

mới có thể tồn tại lâu dài trên thế gian, mới có thể thật sự lợi ích hết thảy chúng sanh. Chúng ta không hiểu rõ đạo lý này, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, cho nên học Phật thường bị thoái chuyển, hề gặp phải chướng ngại bèn nguội lạnh tâm lòng, gặp khó khăn bèn chẳng dám tiến lên, bèn thoái chuyển. Hiểu rõ đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật, [điều ấy được biểu thị qua danh hiệu] Nan Trở Phật trong phần trước, chướng ngại nào cũng đều chẳng thể ngăn trở quý vị được, thanh tịnh, bình đẳng, giác bèn thành tựu, sẽ tu thành công Tam Học Giới, Định, Huệ. Chúng ta lại xem vị Phật cuối cùng.

(Sớ) Văng Minh giả.

(疏)網明者。

(Sớ: Văng Minh (Jālinprabha)).

Đức hiệu của vị Phật này được kiến lập từ tỷ dụ. “*Văng*” (網: lưới) là cái lưới Nhân Đà La (Indra) của Đại Phạm Thiên, đức Phật giảng kinh thường dùng nó làm tỷ dụ. “*Minh*” (明) là quang minh, cái lưới báu ấy tỏa ánh sáng.

(Sớ) Trí như bảo văng, biến chiếu chúng sanh cố.

(疏)智如寶網，遍照眾生故。

(Sớ: Trí như lưới báu, vì chiếu khắp chúng sanh).

Biểu thị phương pháp độ chúng sanh của Bồ Tát: Dùng vô lượng vô biên pháp môn phổ độ hết thảy chúng sanh. Đến đây, sáu phương mới nói đến phương thứ tư. Bồ Tát tu học xác thực là có công phu rất cao sâu, chẳng phải là học hỏi nông cạn, vì ấy mới có năng lực khai hiển vô lượng pháp môn. Trong thế gian này, như Long Thọ Bồ Tát trong quá khứ, người Hoa nói Long Thọ Bồ Tát là “*Đại Thừa bát tông cộng tổ*” (tổ chung của tám tông Đại Thừa). Tám tông Đại Thừa đều do Ngài truyền, chuyện này giống cái lưới Nhân Đà La của Đại Phạm Thiên. Có bao nhiêu vị Bồ Tát suốt đời chỉ truyền một pháp môn, còn ngài Long Thọ truyền vô lượng vô biên pháp môn, Ngài có năng lực ấy. Đối với hết thảy căn tánh bất đồng của chúng sanh, Ngài đều có phương pháp để dạy họ. Đó là trí huệ chân thật viên mãn hiện tiền, nên Ngài mới có năng lực ấy. Chuyện này chúng ta chẳng thể học theo, chẳng có cách nào học được. Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư thường nói: Đó là bậc đại thông gia, chẳng phải là phàm

nhân! Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian Ngài đều thấu suốt, người như vậy thì mới được. Nay chúng ta tu học, chẳng khai ngộ, chẳng chứng quả, chẳng thoát khỏi tam giới, đều chẳng được coi là thành tựu. Đã khai ngộ thì vẫn chưa được! Đã khai ngộ mà chưa có năng lực vượt thoát tam giới, liễu đoạn sanh tử thì đều chẳng coi là thành tựu.

Đối với Tứ Hoằng Thệ Nguyên, chúng ta thiên trọng hai nguyện trước. Chúng ta phải phát đại Bồ Đề tâm, phải đoạn phiền não, thâm nhập một môn là đoạn phiền não. Giống như kinh Di Đà đã dạy chúng ta “*nhất tâm bất loạn*”, kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta “*một mực chuyên niệm*”, chúng ta đi theo một môn. Đến thế giới Cực Lạc, thấy A Di Đà Phật, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư bảo: “*Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ*”. Thấy A Di Đà Phật, khai ngộ, chúng ta lại học hai điều sau đó: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Đến thế giới Tây Phương, chúng ta lại làm hai điều ấy; hiện thời bèn thực hiện hai điều trước. Đó là ổn thỏa, thích đáng, tuyệt đối chẳng trở thành xôi hỏng bỏng không, chúng ta thật sự nắm chắc là có thể làm được! Hiện thời, chúng ta thấy kẻ bình phàm học Phật điên đảo, họ cũng chẳng phát tâm. “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*” là “*miệng có, tâm không*”. Vì sao? Thấy chúng sanh này đáng ghét, thấy kẻ kia ngứa mắt, họ chẳng độ những kẻ đó. Họ muốn độ những kẻ họ ưa thích, chẳng độ những kẻ họ thấy ngứa mắt, chẳng độ kẻ không có lợi ích gì cho họ! Lấy đâu ra cái gọi là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”? Người ấy cũng chẳng đoạn phiền não; tham, sân, si, mạn hăng ngày tăng trưởng, người ấy thực hiện từ chỗ nào? Từ “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”, người ấy làm hai chuyện ấy. Chuyện này giống như chúng ta xây một tòa cao ốc, cao ốc có bốn tầng lầu, chẳng cần hai tầng dưới cùng, dựng ngay tầng thứ ba và tầng thứ tư. Đó là muốn dựng lầu gác trên không trung, là huyễn tưởng, quyết định chẳng phải là sự thật, sai bét mất rồi!

Bồ Tát sau khi trí huệ và đức hạnh đã viên mãn, phương pháp độ chúng sanh sẽ triển hiện vô lượng vô biên, có thể ứng với hết thấy các căn tánh bất đồng. Nói thông thường, từ bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên thì mới có năng lực này. Giống như trong kinh Lăng Nghiêm, hoặc như trong phẩm Phổ Môn đã nói: “*Nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp. Nên dùng thân Bồ Tát bèn hiện thân Bồ Tát để thuyết pháp*”. Ngài có thể tùy loại hiện thân, có thể tùy duyên thuyết pháp. Đây chính là ý nghĩa của đoạn này.

(Sao) *Võng giả, tức Phạm võng thiên châu. Thiên châu giao ánh, quang minh đồng triệt, như Phật trí biến phú chúng sanh, vô sở bất chiếu cố. Hựu chủng chủng pháp môn, hỗ tương dung triệt, giác quần mê cố.*

(Diễn) *Phạm võng thiên châu giả, Đại Phạm thiên cung hữu võng la tràng, hồng quang hỗ tạ, thái sắc giao huy. Thời Phật quán chư la võng, nhân vị thuyết vô lượng thế giới, do như võng khổng, các các bất đồng, biệt dị vô lượng. Phật giáo môn diệc phục như thị đẳng. Hựu chủng chủng pháp môn hỗ tương dung triệt giả, nhất môn thiệp nhập vô lượng môn, vô lượng môn thiệp nhập nhất môn dã. Thượng nghĩa ước biến phú thuyết, thử nghĩa ước giao dung thuyết.*

(鈔) 網者，即梵網千珠。千珠交映，光明洞徹，如佛智遍覆眾生，無所不照故。又種種法門，互相融徹，覺群迷故。

(演) 梵網千珠者。大梵天宮有網羅幢。紅光互射。彩色交輝。時佛觀諸羅網。因為說無量世界。猶如網孔。各各不同。別異無量。佛教門亦復如是等。又種種法門互相融徹者。一門涉入無量門。無量門涉入一門也。上義約遍覆說。此義約交融說。

(Sao: “Võng” là cái lưới có ngàn hạt châu của Phạm Thiên. Ngàn hạt châu chiếu rọi lẫn nhau, quang minh chiếu thấu suốt, như trí Phật bao trùm khắp chúng sanh, không gì chẳng chiếu tới. Lại nữa, các thứ pháp môn dung thông, thấu triệt lẫn nhau, giác ngộ những kẻ mê muội.

Diễn: Cái lưới ngàn viên châu của Phạm Thiên: Trong cung của Đại Phạm Thiên có võng la tràng, tỏa ra ánh sáng màu đỏ xen lẫn, màu sắc rực rỡ chiếu xen. Khi ấy, đức Phật quán màn lưới ấy, bèn vì đó nói vô lượng thế giới ví như những mắt lưới, mỗi mỗi đều khác nhau, khác biệt vô lượng. Giáo môn (các pháp môn) của đức Phật cũng giống như vậy. Lại nữa, các pháp môn dung thông, thấu triệt lẫn nhau, một môn tấn nhập vô lượng môn, vô lượng môn tấn nhập một môn. Nghĩa trước là nói theo phương diện trùm khắp, nghĩa sau là nói theo phương diện dung thông lẫn nhau).

Dùng cái lưới Nhân Đà La của Đại Phạm Thiên để làm tỷ dụ.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh hàm nhiếp bất khả tận, thị Bắc phương hằng sa Phật nghĩa.

(Sao) Bắc phương vi Đông.

(疏)稱理，則自性含攝不可盡，是北方恆沙佛義。

(鈔)北方為冬。

(Sớ: Xứng Lý, tự tánh hàm nhiếp chẳng thể tận chính là ý nghĩa phương Bắc có hằng sa Phật.

Sao: Phương Bắc là mùa Đông).

Bốn phương phối hợp Tứ Quý, tức là phối ứng với bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông.

(Sao) Đông chủ tàng.

(鈔)冬主藏。

(Sao: Mùa Đông chuyên chủ thâm tàng).

Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thâm hoạch, Đông ẩn tàng. Mùa Đông chủ trì sự thâm tàng.

(Sao) Vạn vật chi sở thành chung, nhi sở thành thí dã.

(Diễn) Vạn vật chi sở thành chung thành thí giả. Ư thời, tắc vi quần âm bác tận, nhất dương phục sanh. Ư vật, tắc vi thật lý cụ bị, sanh dục chi nguyên. Ư nhân, tắc vi trí nhi vi chúng sự chi cán.

(鈔)萬物之所成終，而所成始也。

(演)萬物之所成終成始者。於時。則為群陰剝盡。一陽復生。於物則為實理具備。生育之原。於人。則為智而為眾事之幹。

(Sao: Đối với muôn vật, [mùa Đông] là kết thúc của sự sanh thành, mà cũng là khởi đầu cho sự sanh thành.

Diễn: “Kết thúc của sự sanh thành mà cũng là khởi đầu của sự sanh thành”: Đối với thời gian, khi các Âm đã hết sạch, một Dương lại sanh. Đối với vật thì Thật Lý trọn đủ, là nguồn cội của sự sanh trưởng. Đối với người thì trí là nguồn cội của các sự).

Kết thúc và khởi đầu là cùng một chuyện. Mùa Thu hái gặt, ví như thâm hoạch lúa, đó là kết thúc, [lúa] đã trưởng thành, kết quả. Nhưng những hạt lúa ấy lại là hạt giống cho năm sau, nó lại là khởi đầu. “Thành

chung, thành thi” sanh trưởng chẳng ngừng, vĩnh viễn chẳng diệt. Chẳng phải là một giai đoạn từ sanh đến diệt là xong, nó là sanh sôi chẳng ngừng. Mùa Đông đã qua, mùa Xuân lại đến. Ba Mươi tháng Chạp đã qua, mùng Một tháng Giêng bèn đến. Ba Mươi tháng Chạp là kết thúc, mùng Một tháng Giêng là khởi đầu. Sau kết thúc là khởi đầu, sanh trưởng chẳng ngớt!

(Sao) Kim tắc bách thiên pháp môn, đồng quy phương thốn.

(Diễn) Bách thiên pháp môn thị Bát Nhã đức, vô biên đức dụng thị Giải Thoát đức, đồng quy phương thốn tổng tại tâm nguyên. Thị tổng nhất Pháp Thân đức dã.

(鈔)今則百千法門，同歸方寸。

(演)百千法門是般若德。無邊德用是解脫德。同歸方寸總在心源。是總一法身德也。

(Sao: Nay trăm ngàn pháp môn cùng quy vào một tắc vuông.

Diễn: Trăm ngàn pháp môn là Bát Nhã đức, vô biên đức dụng là Giải Thoát đức, “cùng quy vào một tắc vuông” trong một nguồn tâm, tức là gộp tất cả vào Pháp Thân đức).

“*Bách thiên*” chẳng phải là con số, mà nhằm biểu thị vô lượng vô biên pháp môn. Nếu nói đến “*chung*” (終: kết thúc) của vô lượng vô biên pháp môn, “*chung*” là quy, [tức là] đều quy vào nhất tâm. Kinh Di Đà bảo “*nhất tâm bất loạn*”. Cô đại đức xưng dương Tịnh Tông, bảo: “*Ngàn kinh vạn luận, khác đường mà cùng về một nơi*”, [ý nói] đều quy vào Tịnh Độ. Do vậy, Tịnh Độ là “*thành chung, thành thi*”; lời này là thật, mà cũng xác thực là sự thật. Vì từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy vị đạt đến “*đăng phong tạo cực*” (tột đỉnh, tuyệt diệu) trong các vị Bồ Tát là Phổ Hiền Bồ Tát đã dùng “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, đó là “*thành chung*”. Đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, viên chứng ba món Bát Thoái, viên thành vô thượng Bồ Đề, đó là “*thành thi*”. Như vậy thì chúng ta mới thật sự hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch công đức và lợi ích thù thắng của Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta sẽ khẳng khái một mực niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, trọn chẳng lay động. Vì sao có người bị dao động? Kẻ ấy chẳng hiểu rõ ràng, vẫn nghĩ là có pháp môn khác tốt đẹp hơn, thù thắng hơn pháp môn này. Thật ra, kẻ ấy đã phạm sai lầm. Nếu quý vị lại chú tâm quan sát, [sẽ thấy] Tông Môn và Giáo Hạ đều do Văn Thù Bồ Tát truyền. Thiền Tông chẳng lìa Văn Thù Bồ Tát, Giáo Hạ cũng chẳng lìa Văn Thù Bồ Tát. Tịnh Độ Tông và Mật Tông đều do Phổ Hiền Bồ Tát truyền. Trong hội Hoa Nghiêm, “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”

chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Vì thế, Phổ Hiền Bồ Tát là Tịnh Tông Sơ Tổ trong thế giới Sa Bà. Mật Tông do Phổ Hiền Bồ Tát truyền. Thuở ấy, tại Nam Thiên, Long Thọ Bồ Tát mở tháp sắt, thấy Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva), tức là Kim Cang Thủ Bồ Tát (Vajrapāṇi), Ngài truyền Mật pháp cho Long Thọ. Long Thọ truyền lại [cho người đời sau]. Kim Cang Tát Đỏa là ai? Chính là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát. Do vậy có thể biết: Mười tông phái Đại Thừa đều do hai vị đại Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm truyền thừa. Hai vị ấy đều niệm A Di Đà Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây chẳng phải là “*vô lượng vô biên pháp môn tuy khác đường mà về cùng một chỗ*” ư? Ở đây, chúng ta đã được ấn chứng, đã được chứng minh, xác thực là quy về Tịnh Độ, thành Phật trong Tịnh Độ.

“*Bách thiên pháp môn, đồng quy phương thốn*” (Trăm ngàn pháp môn cùng về một tác vuông): Đồng quy nhất tâm. Nói cách khác, vô lượng vô biên pháp môn đều từ nhất tâm lưu xuất. Từ nhất tâm lưu xuất, trở về nhất tâm. Vậy thì mới biết: Tất cả hết thảy các pháp môn đều là tu nhất tâm. Tuy tên gọi chẳng phải là nhất tâm, nhưng trên thực tế là nhất tâm. Công phu được sử dụng trong nhà Thiền, bất luận là dùng quán tâm, hoặc dùng tham thoại đầu, nếu chẳng quy vào nhất tâm, sẽ chẳng thể khai ngộ. Đại triệt đại ngộ là gì? Trở về nhất tâm, bèn đại triệt đại ngộ, bèn thông đạt, hiểu rõ hết thảy. Từ Lục Tổ Đàn Kinh, chúng ta có được chứng cứ: Lục Tổ không biết chữ, chưa từng học hành, mà cũng chưa hề nghe kinh. Ngài chỉ nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang; giảng một phần ba, Ngài liền khai ngộ, chẳng cần giảng hết! Thế mà sau này, Ngài gặp nhiều bộ kinh điển, người khác đọc cho Ngài nghe, Ngài liền có thể giảng cho họ nghe, Ngài đều có thể thông đạt! Đó là đã đắc nhất tâm, hết thảy đều thông đạt, hết thảy đều hiểu rõ. Đây là “*đại triệt đại ngộ*” trong Thiền Tông, Tịnh Độ Tông gọi [đại triệt đại ngộ] là “*nhất tâm bất loạn*”, trong Giáo Hạ gọi là “*đại khai viên giải*”, trong Mật Tông gọi là “*tam mật tương ứng*”. Mỗi tông phái có danh từ thuật ngữ riêng, trên thực tế là cùng một chuyện. Tuy là cùng một chuyện, chúng ta lại chú tâm nhìn sâu xa hơn, [sẽ thấy] Tịnh Tông hay, Tịnh Tông khéo. Vì sao? Trực tiếp tu nhất tâm bất loạn. Những tông khác tu nhất tâm còn phải đi đường vòng, còn có khá nhiều tầng cấp mới hòng đạt tới. Pháp môn này (Tịnh Độ Tông) rất đơn giản, dùng một câu A Di Đà Phật để trực tiếp tu nhất tâm bất loạn, pháp môn này thù thắng hơn những pháp môn khác. Vì thế, nó là tu trực tiếp, chẳng phải là tu gián tiếp. Tu trực tiếp thì gọi là “*pháp môn viên đốn, thành tựu trong một đời*”. Nếu chẳng phải là tu trực tiếp, bèn gọi là “*tiệm chứng*” (漸證: chứng đắc dần dần), có tầng lớp, có Thập Tín, Thập Trụ,

Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, có năm mươi một giai cấp. Tịnh Tông chẳng có giai cấp; vì thế, được gọi là “đốn siêu” (頓超).

(Sao) Vô biên đức dụng, tổng tại tâm nguyên.

(鈔) 無邊德用，總在心源。

(Sao: Vô biên đức dụng đều ở trong nguồn tâm).

“Đức dụng”, nói về phía chính mình thì là Tự Thọ Dụng, hưởng thụ chân, thiện, mỹ, huệ. Tha Thọ Dụng là vô lượng trí huệ, vô lượng phương tiện thiện xảo nhằm giáo hóa hết thảy chúng sanh, đều ở trong “tâm nguyên”, tức cội nguồn của cái tâm. “Tâm” là tám thức, [nói chi tiết sẽ là] tám tâm vương, năm mươi một tâm sở. “Nguyên” (源) là chân tâm bản tánh.

(Sao) Mịch chi tắc vô tướng, vô hình.

(Diễn) Mịch chi tắc vô tướng, vô hình giả. Dĩ tự tánh phi hữu tướng, phi vô tướng, phi phi hữu phi vô tướng, phi diệt hữu diệt vô tướng, phi nhất tướng, phi dị tướng, phi câu phi tướng, phi nhất dị câu tướng, viễn ly nhất thiết chư tướng cố.

(鈔) 覓之則無相無形。

(演) 覓之則無相無形者。以自性非有相。非無相。非非有非無相。非亦有亦無相。非一相。非異相。非俱非相。非一異俱相。遠離一切諸相故。

(Sao: Tìm thì vô tướng, vô hình.

Diễn: “Tìm thì vô tướng, vô hình”: Do tự tánh chẳng phải là có tướng, chẳng phải là vô tướng, chẳng phải là tướng ‘chẳng phải có, chẳng phải không’, cũng chẳng phải là ‘vừa có tướng, vừa không tướng’, chẳng phải là một tướng, chẳng phải là khác tướng, chẳng phải là ‘không phải là một tướng, không phải là khác tướng’, cũng chẳng phải ‘vừa là một tướng, vừa khác tướng’, do xa lìa hết thảy các tướng vậy).

Chân tâm chẳng có hình tướng, chẳng có hình trạng, tìm chẳng thấy!

(Sao) Xuất chi tắc vô cùng, vô tận.

(Diễn) Xuất chi tắc vô cùng vô tận giả. Thử viên giác tánh, bốn hữu quá trần sa chi diệu dụng, tiềm hưng, mật ứng, vô hữu hư tức, vô hữu cùng tận cố.

(鈔)出之則無窮無盡。

(演)出之則無窮無盡者。此圓覺性。本有過塵沙之妙用。潛興密應。無有休息。無有窮盡故。

(Sao: Khởi tác dụng bèn vô cùng, vô tận.

Diễn: “Khởi tác dụng bèn vô cùng, vô tận”: Tánh viên giác ấy vốn có diệu dụng nhiều hơn cát, bụi, tiềm hưng khởi, ngầm ứng hợp, chẳng hề ngưng nghỉ, chẳng có cùng tận).

“Xuất” (出) là khởi tác dụng. Khi khởi tác dụng bèn vô cùng, vô tận.

(Sao) Bốn lai cụ túc.

(鈔)本來具足。

(Sao: Vốn trọn đủ).

Câu này hết sức quan trọng, ai nấy đều có! “Bốn lai cụ túc” (Vốn sẵn trọn đủ): Chẳng thiếu khuyết chút nào! So sánh giữa chúng ta và hết thầy chư Phật Như Lai, các Ngài chẳng nhiều hơn chúng ta tí nào, mà chúng ta cũng chẳng thua kém các Ngài tí nào!

(Sao) Bất giả tha cầu.

(Diễn) Bốn lai cụ túc, bất giả tha cầu giả. Vọng tâm ngoại niệm cầu chi bất tận, tịnh đức tánh mãn vô giả ngoại cầu dã.

(鈔)不假他求。

(演)本來具足。不假他求者。妄心外念求之不盡。淨德性滿無假外求也。

(Sao: Chẳng phải cầu chi khác.

Diễn: “Vốn sẵn trọn đủ, chẳng phải cầu chi khác”: Tâm niệm hư vọng hướng ra ngoài để cầu thì [dẫu cầu cách mấy] cũng vẫn chẳng trọn hết được. Tánh trọn đủ tịnh đức chẳng cần phải cầu từ bên ngoài).

Câu này khẩn yếu. Nếu cầu điều gì khác, sai lầm quá rồi! Phật pháp là cầu nơi chân tâm bản tánh của chính mình, chẳng cầu những thứ bên

ngoài. Phật pháp được gọi là Nội Học là do đạo lý này, hết thấy cầu từ tâm địa! Trạng huống thân thể và hoàn cảnh sống của chúng ta đều cầu từ tâm địa, chớ nên cầu từ bên ngoài. Dầu cầu được từ bên ngoài, cũng rất dễ dàng mất đi. Bên ngoài có được, mất, chẳng phải là vốn sẵn có. Cái vốn sẵn có thì chẳng có được, mất. Của chính mình thì làm sao có thể nói là “được”? Chẳng thể nói là được! Đã là chẳng có được, lấy đâu ra “mất”? Vì thế, bảo là chẳng có “được, mất”. Hết thấy đều cầu từ tự tánh, cầu từ chân tâm; đây là đúng.

(Sao)Thị cố chúng sanh tâm, tức danh Như Lai Tạng.

(Diễn) Chúng sanh tâm, tức phàm phu bốn cụ Tánh Đức. Như Lai Tạng, thị quả Phật viên minh chi Thể, nhi chúng sanh Tánh Đức chi Phật, phi tự, phi tha, phi nhân, phi quả, tức thị viên thường đại giác chi Thể. Cố tức danh Như Lai Tạng. Hựu chúng sanh tâm giả, tức thị sanh diệt môn trung bất giác nghĩa. Y nhất niệm vô minh, toại thành nghiệp thức, phục tùng nghiệp thức, chuyển khởi sự thức. Dĩ tùy sự ban duyên, phân biệt lục trần, thị chúng sanh tâm tướng dã. Hựu Như Lai Tạng giả, tức thị sanh diệt môn trung giác nghĩa, vị tâm thể ly niệm, pháp giới nhất tướng, tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân. Thị tức danh vi Như Lai Tạng dã. Nhi chúng sanh tâm, tức danh Như Lai Tạng giả. Dĩ bất giác tâm bất ly bốn giác cố. Luận vân: “Nhược ly giác tánh, tắc vô bất giác. Nhược ly bất giác chi tâm, diệt vô chân giác tự tướng khả thuyết”. Hựu vân: “Thí như chủng chủng ngỗ khí, giai đồng vi trần tánh tướng. Như thị vô lậu vô minh chủng chủng nghiệp huyễn, giai đồng Chân Như tánh tướng”, thị dã.

(鈔)是故眾生心，即名如來藏。

(演)眾生心。即凡夫本具性德。如來藏。是果佛圓明之體。而眾生性德之佛。非自非他。非因非果。即是圓常大覺之體。故即名如來藏。又眾生心者。即是生滅門中不覺義。依一念無明。遂成業識。復從業識。轉起事識。以隨事扳緣。分別六塵。是眾生心相也。又如來藏者。即是生滅門中覺義。謂心體離念。法界一相。即是如來平等法身。是即名為如來藏也。而眾生心。即名如來藏者。以不覺心不離本覺故。論云。若離覺性。則無不覺。若離不覺

之心。亦無真覺自相可說。又云。譬如種種瓦器。皆同微塵性相。如是無漏無明種種業幻。皆同真如性相。是也。

(Sao: Vì thế, cái tâm của chúng sanh được gọi là Như Lai Tạng.

Diễn: “Tâm chúng sanh” chính là Tánh Đức vốn sẵn có của phàm phu. Như Lai Tạng là cái Thể viên minh của Phật quả, là vị Phật nơi Tánh Đức của chúng sanh, chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, tức là cái Thể của đại giác viên thường. Vì thế, gọi là Như Lai Tạng. Lại nữa, tâm chúng sanh chính là ý nghĩa Bất Giác trong Sanh Diệt môn. Do nương theo một niệm vô minh, bèn thành nghiệp thức. Lại từ nghiệp thức, chuyển biến, dậy lên sự thức. Do phan duyên theo Sự mà phân biệt sáu trần. Đó là cái tướng của tâm chúng sanh. Lại nữa, Như Lai Tạng chính là ý nghĩa Giác trong Sanh Diệt môn, ý nói: Tâm thể ly niệm, pháp giới nhất tướng chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai, đó gọi là Như Lai Tạng. Nhưng tâm chúng sanh được gọi là Như Lai Tạng là vì cái tâm bất giác chẳng là Bốn Giác. Vãng Sanh Luận nói: “Nếu là giác tánh thì chẳng có bất giác. Nếu là cái tâm bất giác, cũng chẳng có tự tướng của chân giác để có thể nói được!” Luận lại nói: “Vị như các món đồ bằng sành đều có cùng tánh và tướng với vi trần, các thứ nghiệp vô lậu vô minh hư huyễn như vậy, đều có cùng tánh và tướng với Chân Như” chính là nói về ý này).

Như Lai Tạng là tiếng xưng hô đối với Phật. Tạng (藏) là giống như kho chứa, giống như ở trong tâm Phật bao hàm vô lượng vô biên trí huệ, đức năng, tài nghệ. Cái tâm của bọn chúng sanh chúng ta là Như Lai Tạng. Vì sao nay chúng ta chẳng thể khởi tác dụng? Do tâm chúng ta loạn, nên chẳng khởi tác dụng. Loạn nhưng hoàn toàn chẳng mất đi, vẫn là vốn trọn đủ. Đức Phật dạy chúng ta phương pháp để điều chỉnh nó. Trong kinh điển Đại Thừa Phật pháp, đức Phật có nói lời chân thật: “*Phật chẳng độ chúng sanh*”. Chúng sanh do ai độ? Chính mình độ, tự ngộ, tự độ. Xác thực là chính mình độ, chẳng phải do Phật độ, Phật chẳng thể độ chúng sanh. Nếu Phật có thể độ chúng sanh, chúng ta cần gì phải tu hành nữa?

Đức Phật đại từ đại bi giúp chúng ta tu hành là được rồi! Ất cần phải điều chỉnh chính mình, điều chỉnh loạn tâm thành tâm thanh tịnh, khôi phục cái tâm ô nhiễm thành thanh tịnh, điều chỉnh loạn thành định, điều chỉnh nhiễm thành tịnh, là được rồi. Bất luận phương pháp nào, bất luận pháp môn nào, tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc đơn giản như vậy đó, sẽ thành công!

(Kinh) Các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(經)各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Kinh: Mỗi vị ở trong nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chưởng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm này”).

Nhằm đặc biệt nhắc nhở: Chúng ta phải coi trọng. Mở Đại Tạng Kinh ra, trong tất cả hết thảy các kinh, kinh nào có tựa đề như vậy? “Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức”, ai xưng tán? Hết thảy chư Phật Như Lai xưng tán. “Công đức chưởng thể nghĩ bàn” là gì? Là công đức chưởng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật từ nhân đến quả, từ sơ phát tâm mãi cho đến khi đã thành Phật, rộng độ chúng sanh. Đó là nói theo Sự. Nói theo Lý, đây là công đức chưởng thể nghĩ bàn mà bản thân chúng ta vốn sẵn trọn đủ, [công đức ấy] tức là chân tâm, là bản tánh của chính mình. “**Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh**”: Câu này cũng là nói theo mặt Sự. Đã là hết thảy chư Phật đều hộ niệm bộ kinh này; nói cách khác, hết thảy chư Phật nhất định phải tuyên giảng bộ kinh này. “**Hộ niệm**” là gì? Hộ niệm là tuyên giảng, chẳng phải là coi bộ kinh này như bảo bối, canh giữ cho thật kỹ. Tướng của tất cả hết thảy các vật đều là “thành, trụ, hoại, không”, đều chẳng gìn giữ được. Tuyên giảng, lưu thông bộ kinh này, đó là “**hộ niệm**”. Những kinh khác chẳng nói “**hết thảy chư Phật hộ niệm**”, chỉ riêng bộ kinh này là được hết thảy chư Phật hộ niệm, quý vị mới biết: Trong toàn thể Phật pháp, trong pháp giới của hết thảy chư Phật, không chỉ là một mình Thích Ca Mâu Ni Phật, mà là vô lượng vô biên hết thảy chư Phật, trong đại hoàn cảnh ấy, kinh này là kinh bậc nhất, cho nên được hết thảy chư Phật hộ niệm. Nay chúng ta đọc bộ kinh này, thọ trì bộ kinh này, chiếu theo bộ kinh này tu hành, đương nhiên là được hết thảy chư Phật hộ niệm. Được hết thảy chư Phật hộ niệm, lẽ nào quý vị chẳng tự tại? Lẽ nào quý vị chẳng sung sướng? Quý vị còn gặp khó khăn chi nữa? Chưởng thể nào có chuyện ấy! Hễ quý vị gặp chướng nạn, chẳng sung sướng; nói cách khác, quý vị chẳng được hết thảy chư Phật hộ niệm, quý vị đã hoàn toàn

trái nghịch kinh này! Dầu niệm Phật, do “*miệng có, tâm không*”, cho nên chẳng có cảm ứng. Đã thật sự hiểu rõ, hiểu minh bạch, quý vị tu học pháp môn này, đời hiện tại này sẽ vui sướng khôn sánh! Đối với thế giới Cực Lạc, [quý vị] hiện đang là người trong thế giới Cực Lạc. Hiện tại vui sướng khôn sánh thì mới tương ứng với thế giới Cực Lạc. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này!